

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

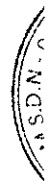
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	05-46
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10-46



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sông Đà 9 tiền thân là Công ty Sông Đà 9 trực thuộc Tổng Công ty Sông Đà, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Sông Đà 9 theo quyết định số 2195-BXD ngày 18/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100845515 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 12 tháng 05 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoàng Cường	Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 01/05/2016
Ông Dương Hữu Thắng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01/05/2016
Ông Lê Công Tinh	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 28/04/2016
Ông Nguyễn Gia Hàn	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 28/04/2016
Ông Nguyễn Văn Đại	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 28/04/2016
Ông Trần Thế Quang	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 28/04/2016
Ông Nguyễn Văn Phúc	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28/04/2016
Bà Trịnh Thị Anh Đào	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28/04/2016

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Thế Quang	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 01/05/2016
Ông Nguyễn Hoàng Cường	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/05/2016
Ông Nguyễn Đắc Thiệp	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đức Thọ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hải Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 07/06/2016
Ông Nguyễn Văn Phúc	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 07/06/2016

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 01/05/2016
Bà Nguyễn Thị Thu Phương	Trưởng ban	Miễn nhiệm vị trí trưởng ban ngày 01/05/2016
Ông Lương Thế Lăng	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 28/04/2016
Ông Trần Anh Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/04/2016
Ông Nguyễn Đức Thọ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/04/2016

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 


Trần Thế Quang
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2016

Số: 1838/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà 9

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 được lập ngày 01 tháng 08 năm 2016, từ trang 05 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

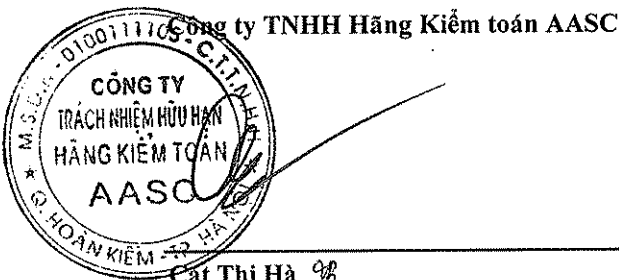
Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

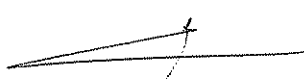
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

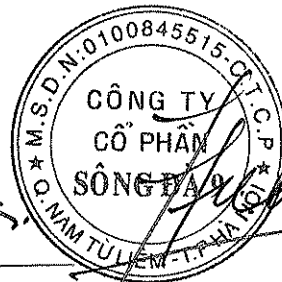

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		896.557.292.550	885.399.701.086
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	30.011.535.723	105.805.858.696
111	1. Tiền		30.011.535.723	65.805.858.696
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	40.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		551.372.833.271	523.326.227.161
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	485.193.919.489	492.745.105.105
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	11.208.887.823	12.944.828.848
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	2.189.141.728	2.189.141.728
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	77.707.914.855	40.374.182.104
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(25.061.786.191)	(25.061.786.191)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		134.755.567	134.755.567
140	IV. Hàng tồn kho	10	307.072.713.272	249.422.394.783
141	1. Hàng tồn kho		307.072.713.272	249.422.394.783
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.100.210.284	6.845.220.446
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	202.272.728	246.821.373
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7.288.023.615	6.598.399.073
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	609.913.941	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		480.403.219.419	502.497.095.851
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		155.579.999	245.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	155.579.999	245.000.000
220	II. Tài sản cố định		354.727.825.416	377.849.692.018
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	350.115.325.416	373.237.192.018
222	- Nguyên giá		946.648.628.544	1.003.227.455.750
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(596.533.303.128)	(629.990.263.732)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	4.612.500.000	4.612.500.000
228	- Nguyên giá		4.692.500.000	4.692.500.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(80.000.000)	(80.000.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		9.705.916.942	7.083.117.033
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	9.705.916.942	7.083.117.033
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	113.621.566.154	115.485.573.787
251	1. Đầu tư vào công ty con		85.347.816.852	85.347.816.852
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		63.509.530.909	63.509.530.909
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(35.235.781.607)	(33.371.773.974)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.192.330.908	1.833.713.013
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	1.157.980.426	799.362.531
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		1.034.350.482	1.034.350.482
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.376.960.511.969	1.387.896.796.937

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà NộiBáo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		767.692.487.823	788.952.783.874
310	I. Nợ ngắn hạn		635.010.986.583	665.931.086.991
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	79.155.142.236	80.184.789.962
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	92.460.270.191	42.823.907.164
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	6.743.540.709	7.482.185.658
314	4. Phải trả người lao động		19.935.571.955	22.740.649.730
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	26.764.566.625	32.558.049.875
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	9.600.833.950	9.774.651.394
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	388.414.617.315	463.225.550.652
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		11.936.443.602	7.141.302.556
330	II. Nợ dài hạn		132.681.501.240	123.021.696.883
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	286.233.925	286.233.925
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	107.977.962.958	122.735.462.958
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	20	24.417.304.357	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		609.268.024.146	598.944.013.063
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	609.268.024.146	598.944.013.063
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		305.663.000.000	305.663.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		305.663.000.000	305.663.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		21.400.639.679	21.400.639.679
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		210.425.262.827	199.693.130.735
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		71.779.121.640	72.187.242.649
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		55.801.044.511	18.526.582.189
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		15.978.077.129	53.660.660.460
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.376.960.511.969	1.387.896.796.937


Phùng Thị Minh Nghĩa
Người lập

Quách Mạnh Hải
Kế toán trưởng

Trần Thế Quang
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội



Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	180.480.213.846	477.377.436.063
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		180.480.213.846	477.377.436.063
11	4. Giá vốn hàng bán	25	137.268.703.049	398.302.938.755
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		43.211.510.797	79.074.497.308
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	13.187.771.302	1.297.423.704
22	7. Chi phí tài chính	27	24.945.015.779	31.212.389.486
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		23.049.499.360	30.254.070.070
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	22.330.311.000	25.502.035.806
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.123.955.320	23.657.495.720
31	11. Thu nhập khác	29	8.941.824.325	8.071.025.822
32	12. Chi phí khác	30	1.044.949.918	174.840.318
40	13. Lợi nhuận khác		7.896.874.407	7.896.185.504
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.020.829.727	31.553.681.224
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	1.042.752.598	7.080.940.102
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	(95.705.747)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>15.978.077.129</u>	<u>24.568.446.869</u>



Phùng Thị Minh Nghĩa
Người lập

Quách Mạnh Hải
Kế toán trưởng

Trần Thế Quang
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		17.020.829.727	31.553.681.224
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		30.657.272.894	34.080.606.121
03	- Các khoản dự phòng		26.281.311.990	451.170.351
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(57.953.461)	410.883.085
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(18.084.886.774)	(9.017.877.716)
06	- Chi phí lãi vay		23.049.499.360	30.254.070.070
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		78.866.073.736	87.732.533.135
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(15.789.012.469)	60.406.740.380
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(57.650.318.489)	(6.004.689.098)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		38.695.883.098	(66.940.847.706)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(314.069.250)	5.556.847.241
14	- Tiền lãi vay đã trả		(23.280.948.460)	(30.469.192.908)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.027.275.547)	(9.099.966.649)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		745.279.000	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.104.428.016)	(4.165.274.240)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		18.141.183.603	37.016.150.155
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(10.158.206.201)	(1.057.500.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		5.503.220.000	7.789.200.000
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	1.427.064.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		229.959.501	6.967.597.848
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(4.425.026.700)	15.126.361.848
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		219.888.595.728	335.020.270.673
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(309.400.284.065)	(365.312.568.640)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(36.679.560.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(89.511.688.337)	(66.971.857.967)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

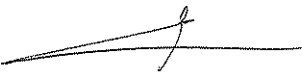
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

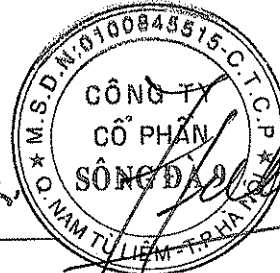

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(75.795.531.434)	(14.829.345.964)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		105.805.858.696	97.054.825.284
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.208.461	(573.085)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>30.011.535.723</u>	<u>82.224.906.235</u>


Phùng Thị Minh Nghĩa
Người lập

Quách Mạnh Hải
Kế toán trưởng

Trần Thế Quang
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 9 tiền thân là Công ty Sông Đà 9 trực thuộc Tổng Công ty Sông Đà, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Sông Đà 9 theo quyết định số 2195-BXD ngày 18/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100845515 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 12 tháng 05 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 305.663.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 305.663.000.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ liên quan đến xây lắp.

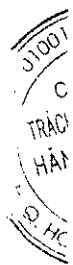
Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bưu điện, hạ tầng kỹ thuật; đường dây và trạm biến thế điện;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp;
- Dịch vụ tư vấn xây dựng và đấu thầu các công trình;
- Khai thác mỏ, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Nhận thầu thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn;
- Đầu tư xây dựng, vận hành khai thác và kinh doanh các nhà máy điện, nhà máy xi măng;
- Chế tạo và lắp đặt các cấu kiện cơ khí, xây dựng, phụ tùng ô tô, phụ tùng máy xây dựng và xe máy;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, xe máy, các loại máy xây dựng;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị công nghệ xây dựng;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, xăng, dầu, mỡ, bất động sản và văn phòng cho thuê;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Trong 06 tháng đầu năm 2016, các công trình xây dựng của Công ty về cơ bản đã hoàn thành và đang chờ quyết toán. Một số công trình đã quyết toán xong thì được ghi nhận doanh thu bổ sung nhưng không còn chi phí giá vốn do đó doanh thu, giá vốn 06 tháng đầu năm sụt giảm mạnh so với số liệu so sánh cùng kỳ tuy nhiên tỷ lệ lãi gộp kỳ này lại tăng cao so với kỳ trước. Bên cạnh đó, doanh thu hoạt động tài chính của Công ty kỳ này cũng biến động mạnh do Công ty thực hiện ghi nhận doanh thu từ cổ tức được nhận từ Công ty con - Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu theo thông báo chốt quyền ngày 27/06/2016.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Sông Đà 901	Gia Lai	Xây dựng dân dụng, công nghiệp; kinh doanh vật tư.
Chi nhánh Sông Đà 903	Lai Châu	Xây dựng, thi công cơ giới, san lấp mặt bằng.
Chi nhánh Sông Đà 905	Lào Cai	Xây dựng công trình, kinh doanh vật tư, ...
Chi nhánh Sông Đà 908	Lai Châu	Xây dựng, thi công cơ giới, san lấp mặt bằng.
Chi nhánh Sông Đà 910	Thái Nguyên	Xây dựng dân dụng, công nghiệp; kinh doanh vật tư.
Ban Quản lý dự án Thủy điện Pake (*)	Lào Cai	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

(*) Ban Quản lý dự án Thủy điện Pake được thành lập và hoạt động theo Nghị quyết số 24/1016/QĐ-HĐQT ngày 12/4/2016 của Hội đồng quản trị Công ty. Ban Quản lý chính thức đi vào hoạt động từ ngày 19/04/2016.

Thông tin về các công ty con của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty hoặc trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

105
CÔNG TY
HỆM H
KIỂM
KẾ
KIỂM

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con: căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Hàng tồn kho (tiếp theo)

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

Quyền sử dụng đất của Công ty là quyền sử dụng đất không có thời hạn, bao gồm Quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 tại Ưông Bí - Quảng Ninh và quyền sử dụng đất của Trụ sở Văn phòng Chi nhánh Sông Đà 9.01 tại số 190 đường 2/9 - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ kế toán.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

05 - C
TY
HỮU HẠN
TOÁN
C
TP. HÀ N

Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có liên quan.

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn công trình nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chỉ trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần công trình đã hoàn thành nghiệm thu trong kỳ và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán .

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
 Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
 Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	5.918.337.827	4.917.632.843
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.093.197.896	60.888.225.853
Các khoản tương đương tiền	-	40.000.000.000
	30.011.535.723	105.805.858.696

11105 -
 CÔNG TY
 CHẤM DẤU
 ĐĂNG KÝ
 A
 HOAN

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,

Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

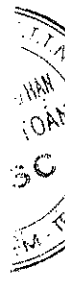
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào Công ty con	85.347.816.852			
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	85.347.816.852			
Đầu tư vào đơn vị khác	63.509.530.909	25.179.315.313	(35.235.781.607)	26.940.780.998
a) Đầu tư cổ phiếu	47.595.440.000	25.179.315.313	(22.416.124.687)	26.940.780.998
- Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà	18.628.000.000	4.098.160.000	(14.529.840.000)	5.402.120.000
- Công ty Cổ phần Sông Đà 1	5.784.940.000	392.000.000	(5.392.940.000)	367.500.000
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex	20.002.500.000	18.520.534.813	(1.481.965.187)	19.358.560.998
- Ngân hàng TMCP Quân đội	3.180.000.000	2.168.620.500	(1.011.379.500)	1.812.600.000
b) Đầu tư dài hạn khác	15.914.090.909		(12.819.656.920)	15.914.090.909
- Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên	7.505.000.000		(7.505.000.000)	7.505.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Văn Phong	3.409.090.909		(1.714.656.920)	3.409.090.909
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	1.000.000.000			1.000.000.000
- Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	4.000.000.000		(3.600.000.000)	4.000.000.000
	148.857.347.761	25.179.315.313	(35.235.781.607)	148.857.347.761
				26.940.780.998
				(33.371.773.974)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn khác do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Chi chú: Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, dự phòng được trích lập dựa trên Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng. Đối với các khoản đầu tư cổ phiếu, giá trị hợp lý được xác định căn cứ vào giá trị thị trường của cổ phiếu, theo đó dự phòng được trích lập là chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý. Đối với các khoản đầu tư dài hạn khác, việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
 Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
 Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2016 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Hà Giang	51,00%	51,00%	Sản xuất và cung cấp điện

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con trong kỳ: Xem thuyết minh số 36.

Đầu tư vào đơn vị khác

<u>Tên công ty nhận đầu tư</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà	Hà Nội	8,89%	8,89%	Xây lắp hạ tầng và các công trình dân dụng,
Công ty Cổ phần Sông Đà 1	Hà Nội	4,90%	4,90%	Xây lắp hạ tầng và các công trình dân dụng,
Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex	Hà Nội	14,82%	14,82%	Môi giới, tư vấn, tự doanh chứng khoán
Ngân hàng TMCP Quân đội (*)	Hà Nội	0,46%	0,46%	Dịch vụ tài chính và các hoạt động liên quan
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên	Lào Cai	4,92%	4,92%	Thi công xây lắp các công trình thủy điện, dân dụng, công nghiệp,
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Vân Phong	Khánh Hòa	3,00%	3,00%	Đầu tư xây dựng các khu kinh tế, khu chế xuất, ...
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	Hà Nội	10,00%	10,00%	Xây lắp hạ tầng và các công trình dân dụng,

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển khu kinh tế Hải Hà là khoản ủy thác đầu tư qua Tổng Công ty Sông Đà.

(*) Công ty Cổ phần Tài chính Sông Đà sáp nhập vào Ngân hàng TMCP Quân đội, do đó số lượng cổ phiếu đầu tư vào Công ty Cổ phần Tài chính Sông Đà được chuyển thành số lượng cổ phiếu tương ứng tại Ngân hàng TMCP Quân đội.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Ban điều hành Dự án Thủy điện Đồng Nai 5	44.204.318.614	40.970.683.081
Ban điều hành Dự án Thủy điện Xekaman 1	80.694.759.660	85.520.663.486
Ban điều hành Dự án Thủy điện Xekaman 3	72.481.908.322	72.481.908.322
Ban điều hành Dự án Thủy điện Sơn La	43.766.706.236	44.122.404.615
Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	65.520.888.259	87.610.268.315
Ban điều hành Dự án Thủy điện Hòa Na	26.660.892.068	33.708.100.845
Công ty Thủy điện Sơn La - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	26.523.837.074	4.013.058.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	125.340.609.256	124.318.018.441
	<u>485.193.919.489</u>	<u>492.745.105.105</u>
c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	<u>398.050.064.285</u>	<u>413.060.331.939</u>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.		

6 . TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN

	<u>30/06/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Xây dựng và thương mại Phúc Tài	2.013.352.400	-	2.013.352.400	-
Trung tâm tư vấn chống ăn mòn và xây dựng	1.151.904.861	-	2.189.430.486	-
Trả trước cho người bán khác	8.043.630.562	(3.109.836.780)	8.742.045.962	(3.109.836.780)
	<u>11.208.887.823</u>	<u>(3.109.836.780)</u>	<u>12.944.828.848</u>	<u>(3.109.836.780)</u>

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN VỀ CHO VAY

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Cho Công ty Cổ phần Điện Việt Lào vay (*)	2.189.141.728	2.189.141.728
	<u>2.189.141.728</u>	<u>2.189.141.728</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

(*) Là khoản cho vay vốn ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh với thời hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay được tính theo thông báo của Công ty Cổ phần Sông Đà 9, căn cứ trên lãi suất Công ty Cổ phần Sông Đà 9 vay tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

8 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	12.852.000.000	-	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.065.584.153	-	7.065.584.153	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.119.226.670	-	854.507.279	-
Tạm ứng	40.892.062.676	-	23.325.531.746	-
Ký cược, ký quỹ	124.930.000	-	19.930.000	-
Phải thu Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà	3.375.669.603	-	3.164.331.827	-
Phải thu Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô	40.336.266	-	724.127.123	-
Phải thu bảo hiểm tiền sửa chữa Nhà máy Thủy điện Nậm Khánh	-	-	502.514.157	-
Phải thu Công ty CP Năng Lượng Agrita Quảng Nam	8.969.270.000	-	-	-
Phải thu khác	3.268.835.487	(2.047.873.044)	4.717.655.819	(2.047.873.044)
	<u>77.707.914.855</u>	<u>(2.047.873.044)</u>	<u>40.374.182.104</u>	<u>(2.047.873.044)</u>
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	155.579.999	-	245.000.000	-
	<u>155.579.999</u>	<u>-</u>	<u>245.000.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

9 . NỢ XẤU

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng đã trích lập	Giá gốc	Dự phòng đã trích lập
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
- Công ty Cổ phần Sông Đà Hoàng Liên	1.463.289.775	(1.463.289.775)	1.463.289.775	(1.463.289.775)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc	1.632.128.531	(1.632.128.531)	1.632.128.531	(1.632.128.531)
- Công ty Liên doanh KKA	1.487.501.117	(1.487.501.117)	1.487.501.117	(1.487.501.117)
- Các khoản khác	20.478.866.768	(20.478.866.768)	20.897.283.020	(20.478.866.768)
	25.061.786.191	(25.061.786.191)	25.480.202.443	(25.061.786.191)

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	22.297.035.634	-	22.303.002.901	-
Công cụ, dụng cụ	508.848.754	-	548.033.714	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	284.266.828.884	-	226.571.358.168	-
<i>Công trình Thủy điện Xêkaman 1</i>	92.161.716.052	-	91.931.107.201	-
<i>Công trình Thủy điện Xêkaman 3</i>	7.352.035.440	-	7.352.035.440	-
<i>Công trình Thủy điện Lai Châu</i>	29.044.606.796	-	23.001.360.000	-
<i>Công trình Thủy điện Huội Quảng</i>	29.575.917.541	-	21.834.829.210	-
<i>Công trình Thủy điện Đak Mi 2</i>	26.941.258.669	-	22.297.347.549	-
<i>Công trình Thủy điện Nậm Nghiệp</i>	28.029.744.000	-	4.858.833.027	-
<i>Các công trình khác</i>	71.161.550.386	-	55.295.845.741	-
	307.072.713.272	-	249.422.394.783	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	9.113.516.942	7.083.117.033
- Dự án Thủy điện Ghềnh Chang ⁽¹⁾	333.553.802	333.553.802
- Dự án Thủy điện Pake ⁽²⁾	8.779.963.140	6.749.563.231
Sửa chữa lớn tài sản cố định	592.400.000	-
- Tài sản cố định	592.400.000	-
	<u>9.705.916.942</u>	<u>7.083.117.033</u>

(1) Dự án Thủy điện Ghềnh Chang đang được Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty xem xét về khả năng tiếp tục triển khai thực hiện.

(2) Dự án Thủy điện Pake nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH Anh Nguyên theo Quyết định số 40/2010/QĐ-HĐQT ngày 06/07/2010 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 9 và đang triển khai đầu tư.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

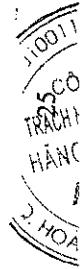
12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND	
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	238.142.997.986		418.356.191.014		344.625.654.601		2.102.612.149		1.003.227.455.750	
- Mua trong kỳ	-		6.907.909.929		627.496.363		-		7.535.406.292	
- Thanh lý, nhượng bán	-		(12.506.124.580)		(51.288.610.966)		(319.497.952)		(64.114.233.498)	
Số dư cuối kỳ	238.142.997.986		412.757.976.363		293.964.539.998		1.783.114.197		946.648.628.544	
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	54.693.867.188		300.049.202.965		273.465.850.182		1.781.343.397		629.990.263.732	
- Khấu hao trong kỳ	5.189.511.084		15.089.188.175		10.299.157.869		79.415.766		30.657.272.894	
- Thanh lý, nhượng bán	-		(12.506.124.580)		(51.288.610.966)		(319.497.952)		(64.114.233.498)	
Số dư cuối kỳ	59.883.378.272		302.632.266.560		232.476.397.085		1.541.261.211		596.533.303.128	
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	183.449.130.798		118.306.988.049		71.159.804.419		321.268.752		373.237.192.018	
Tại ngày cuối kỳ	178.259.619.714		110.125.709.803		61.488.142.913		241.852.986		350.115.325.416	

Ghi chú: Nhà máy Thủy điện Nậm Khánh đang được Công ty tạm ghi nhận nguyên giá với giá trị 300.662.185.379 đồng theo Quyết định số 10CT/TCKT ngày 07/05/2012, Quyết định số 55CT/TCKT ngày 31/12/2013 và Quyết định số 52CT/TCKT ngày 31/12/2014 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9, khấu hao tạm trích trong kỳ là 9.198.990.606 đồng, khấu hao lũy kế đến 30/06/2016 là 75.838.742.556 đồng. Khi quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành được duyệt, Công ty sẽ điều chỉnh lại giá tạm tính theo giá trị tài sản được duyệt.

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 337.318.327.371 đồng
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 352.262.816.690 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

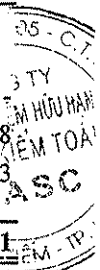
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	4.612.500.000	80.000.000	4.692.500.000
Số dư cuối kỳ	4.612.500.000	80.000.000	4.692.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	80.000.000	80.000.000
Số dư cuối kỳ	-	80.000.000	80.000.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	4.612.500.000	-	4.612.500.000
Tại ngày cuối kỳ	4.612.500.000	-	4.612.500.000

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	24.321.373
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	202.272.728	222.500.000
	202.272.728	246.821.373
b) Dài hạn		
Chi phí bảo hiểm của công trình Nậm Nghiệp	733.044.534	
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	223.834.911	356.940.368
Chi phí chuẩn bị sản xuất của Nhà máy Thủy điện Nậm Khánh	201.100.981	442.422.163
	1.157.980.426	799.362.531



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	2.228.526.077	2.228.526.077	4.228.526.077	4.228.526.077
Doanh nghiệp tư nhân Huyền Trang	2.094.060.179	2.094.060.179	2.812.897.066	2.812.897.066
Công ty Cổ phần Xăng dầu Thụy Dương	10.711.540.301	10.711.540.301	3.520.873.610	3.520.873.610
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	4.915.638.483	4.915.638.483	12.062.767.372	12.062.767.372
Phải trả các đối tượng khác	59.205.377.196	59.205.377.196	57.559.725.837	57.559.725.837
	<u>79.155.142.236</u>	<u>79.155.142.236</u>	<u>80.184.789.962</u>	<u>80.184.789.962</u>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.)				
	<u>7.718.367.682</u>	<u>7.718.367.682</u>	<u>40.948.728.987</u>	<u>40.948.728.987</u>

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Quảng Nam	9.913.316.909	4.552.631.094
Ban Điều hành dự án Thủy điện Xekaman 1	3.512.712.764	3.512.712.764
Ban Điều hành dự án Thủy điện Sơn La	14.776.111.000	-
Ban Điều hành dự án Thủy điện Huội Quảng	2.406.387.497	4.148.232.042
Công ty CP Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	2.450.560.122	1.311.910.219
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Sông Đà	1.255.565.270	-
Công ty CP Sông Đà 5	45.479.982.743	23.119.982.743
Công ty CP Thương mại và dịch vụ toàn cầu DATC	8.871.633.886	-
Các đối tượng khác	3.794.000.000	6.178.438.302
	<u>92.460.270.191</u>	<u>42.823.907.164</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-	5.831.123.159	-	6.295.700.506	7.622.450.702	-	7.622.450.702	-	-	-	-	4.504.372.963
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	124.721.016	-	1.292.640.590	2.027.275.547	-	2.027.275.547	609.913.941	-	609.913.941	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	115.104.517	-	415.221.580	169.902.782	-	169.902.782	-	-	-	-	360.423.315
Thuế Tài nguyên	-	182.970.765	-	1.047.797.742	993.674.188	-	993.674.188	-	-	-	-	237.094.319
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	825.479.466	-	413.383.911	-	-	-	-	-	-	-	1.238.863.377
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	1.159.151.860	1.159.151.860	-	1.159.151.860	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	402.786.735	-	7.000.000	7.000.000	-	7.000.000	-	-	-	-	402.786.735
	-	7.482.185.658	-	10.630.896.189	11.979.455.079	-	11.979.455.079	609.913.941	-	609.913.941	-	6.743.540.709

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	637.916.627	869.365.727
- Trích trước chi phí thi công Công trình Xekaman I	3.460.032.187	6.226.767.187
- Trích trước chi phí Dự án Thủy điện Nậm Khánh	364.000.000	364.000.000
- Trích trước chi phí Dự án cụm Công nghiệp Phú Nghĩa	1.496.016.247	1.496.016.247
- Trích trước chi phí công trình Nhiệt điện Mông Dương	12.083.344.937	17.038.313.573
- Trích trước chi phí công trình Thủy điện Lai châu	2.915.569.541	4.659.273.761
- Trích trước chi phí các công trình Thủy điện Sơn La	2.800.000.000	-
- Trích trước chi phí các công trình khác	2.487.791.023	1.704.313.380
- Chi phí phải trả khác	519.896.063	200.000.000
	26.764.566.625	32.558.049.875

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	682.786.859	981.949.772
- Bảo hiểm xã hội	2.434.841.081	1.139.686.798
- Bảo hiểm y tế	194.884.424	24.970.298
- Bảo hiểm thất nghiệp	97.353.792	12.627.856
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	50.000.000
- Các quỹ tự nguyện	2.939.556.748	2.961.208.189
- Quỹ Bảo vệ phát triển rừng tỉnh Lào Cai	107.601.820	145.618.400
- Các khoản thuế phải nộp	-	401.282.844
- Phải trả cổ tức cho cổ đông của Công ty CP Sông Đà 901 (cũ)	64.200.750	64.200.750
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.079.608.476	3.993.106.487
	9.600.833.950	9.774.651.394
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	286.233.925	286.233.925
	286.233.925	286.233.925

20 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Số dư phản ánh khoản trích trước bảo hành công trình xây dựng Mông Dương đã hoàn thành bàn giao cuối năm 2015. Thời hạn bảo hành của công trình đến 18/02/2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

21 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong kỳ		30/06/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng	418.362.270.652	418.362.270.652	214.348.595.728	286.616.144.065	346.094.722.315	346.094.722.315
Vay ngắn hạn cá nhân	415.607.941.342	415.607.941.342	213.991.311.122	286.590.246.297	343.009.006.167	343.009.006.167
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.754.329.310	2.754.329.310	357.284.606	25.897.768	3.085.716.148	3.085.716.148
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả ngân hàng	44.863.280.000	44.863.280.000	20.297.500.000	22.840.885.000	42.319.895.000	42.319.895.000
	463.225.550.652	463.225.550.652	234.646.095.728	309.457.029.065	388.414.617.315	388.414.617.315
b) Vay dài hạn						
Vay dài hạn ngân hàng	167.598.742.958	167.598.742.958	5.540.000.000	22.840.885.000	150.297.857.958	150.297.857.958
	167.598.742.958	167.598.742.958	5.540.000.000	22.840.885.000	150.297.857.958	150.297.857.958
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(44.863.280.000)	(44.863.280.000)	(20.297.500.000)	(22.840.885.000)	(42.319.895.000)	(42.319.895.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	122.735.462.958	122.735.462.958			107.977.962.958	107.977.962.958



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

STT	Ngân hàng / Hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn rút vốn	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2016	Mục đích vay
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung Hợp đồng tín dụng số 33/2015-HETDHM/NHCT324-SD9 ngày 12/06/2015	Được quy định theo từng giấy nhận nợ	Từ ngày 12/06/2015 đến ngày 15/05/2016	12.514.605.949	Phục vụ hoạt động thi công xây dựng của Công ty
2	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ Hợp đồng tín dụng số 2015.00630 ngày 01/07/2015	Được quy định theo từng giấy nhận nợ	Kể từ ngày 01/07/2015 đến hết ngày 18/06/2016	90.154.972.282	Đáp ứng nhu cầu vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây Hợp đồng tín dụng số 01/2014/209/HETD ngày 03/08/2015	Được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	Kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 03/08/2016	34.398.499.363	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C
4	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh Hợp đồng tín dụng số 15/1299/VCB.Hti ngày 16/09/2015	Áp dụng lãi suất theo thông báo của Ngân hàng tại từng thời kỳ	360 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	66.491.292.507	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh
5	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm Hợp đồng tín dụng số HKI-HETD/15139 ngày 17/09/2015	Áp dụng lãi suất theo thông báo của Ngân hàng tại thời điểm nhận nợ	Kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 16/09/2016; thời hạn cho vay tối đa không quá 8 tháng kể từ ngày giải ngân	26.280.768.612	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh
6	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long Hợp đồng tín dụng số 01/2015/209/HETD ngày 06/08/2015	Được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	Kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 06/08/2016	56.468.989.836	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,

Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngân hàng**

STT	Ngân hàng / Hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn rút vốn	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2016	Mục đích vay
7	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Gia Lai Hợp đồng tín dụng số 01/2015/209/HĐTD ngày 13/08/2015	Được quy định tại từng thời điểm nhận nợ	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	29.932.338.469	Bổ sung vốn lưu động
8	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng Hợp đồng tín dụng số 907961/HĐHM/VP-SD9 ngày 30/07/2015	Được quy định theo từng kế ước nhận nợ	12 tháng tính từ ngày phát sinh nghĩa vụ tín dụng đầu tiên	18.477.471.149	Thanh toán tiền vật tư, nhiên liệu cho nhà cung cấp,
9	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình Hợp đồng tín dụng số 338.15.011.951402.TD ngày 17/07/2015	Được quy định theo từng kế ước nhận nợ	Kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/05/2016	8.290.068.000	Thanh toán tiền vật tư, nhiên liệu cho nhà cung cấp,
10	Vay các cá nhân khác Căn cứ các hợp đồng vay cá nhân cụ thể	Theo lãi suất của các ngân hàng thương mại công ty đang giao dịch	Từ 01 tháng đến 09 tháng	3.085.716.148	Bổ sung vốn lưu động
	Tổng cộng			346.094.722.315	

NG T
 MIỆM
 IG K
 A
 (CAT)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,

Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

STT	Ngân hàng	Lãi suất	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2016			Số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới			Mục đích vay
				VND	USD	Tổng VND tương đương	VND	USD	Tổng VND tương đương	
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung					33.594.000.000			12.080.000.000	
	HETD số 120620/HETD ngày 16/08/2012	Được quy định theo từng thời điểm nhận nợ	45 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	5.080.000.000	-	5.080.000.000	5.080.000.000	-	5.080.000.000	Đầu tư nâng cao năng lực thi công bê tông đầm lăn thủy điện Lai Châu
	HETD số 01/2014-HETĐA/NHCT324-SD9 ngày 06/05/2014	Được quy định theo từng thời điểm nhận nợ	48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	28.514.000.000	-	28.514.000.000	7.000.000.000	-	7.000.000.000	Đầu tư bổ sung thiết bị thi công
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây					106.094.857.958			27.502.395.000	
	HETD số 01/2009/HETD ngày 04/05/2009	Được quy định theo từng thời điểm nhận nợ	11 năm, ân hạn trả nợ gốc trong 2 năm đầu của dự án	99.592.462.958	291.000	106.094.857.958	21.000.000.000	291.000	27.502.395.000	Đầu tư cho dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Khánh tại huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,

Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

STT	Ngân hàng	Lãi suất	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2016			Số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới			Mục đích vay
				VND	USD	Tổng VND tương đương	VND	USD	Tổng VND tương đương	
3	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh					4.390.000.000			1.320.000.000	
	HĐTĐ số 13/1284/VCB.HTI ngày 02/10/2013	Được quy định theo từng thời điểm nhận nợ	60 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên	4.390.000.000	-	4.390.000.000	1.320.000.000	-	1.320.000.000	Đầu tư thiết bị thi công bê tông đầm lăn công trình thủy điện Xékaman I
4	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai					5.540.000.000			738.500.000	
	HĐTĐ số 01/2016/HĐTD/VCB.HGM-SD9 ngày 24/02/2016	Được quy định theo từng thời điểm nhận nợ	60 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên	5.540.000.000	-	5.540.000.000	738.500.000	-	738.500.000	Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án
5	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Gia Lai					679.000.000			679.000.000	
	HĐTĐ số 01/2013/HĐ ngày 05/04/2013	Được quy định theo từng thời điểm nhận nợ	48 tháng	679.000.000	-	679.000.000	679.000.000	-	679.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thi công
	Tổng cộng					150.297.857.958			42.319.895.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
 Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
 Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	305.663.000.000	21.400.639.679	190.677.859.858	69.275.158.088	587.016.657.625				
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	24.568.446.869	24.568.446.869				
Phân phối lợi nhuận	-	-	9.015.270.877	(51.285.931.393)	(42.270.660.516)				
Số dư cuối kỳ trước	305.663.000.000	21.400.639.679	199.693.130.735	42.557.673.564	569.314.443.978				
Số dư đầu năm nay	305.663.000.000	21.400.639.679	199.693.130.735	72.187.242.649	598.944.013.063				
Lãi trong kỳ này	-	-	-	15.978.077.129	15.978.077.129				
Phân phối lợi nhuận	-	-	10.732.132.092	(16.386.198.138)	(5.654.066.046)				
Số dư cuối kỳ này	305.663.000.000	21.400.639.679	210.425.262.827	71.779.121.640	609.268.024.146				

QUẢN LÝ
 CÔNG
 TÍNH
 HÃNG
 KH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
 Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
 Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	53.660.660.460
Trích Quỹ đầu tư phát triển	20,00%	10.732.132.092
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10,00%	5.366.066.046
Trích Thù lao HDQT và BKS không trực tiếp tham gia điều hành	0,54%	288.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 12% vốn điều lệ) (*)	68,35%	36.679.560.000
Lợi nhuận chưa phân phối	1,11%	594.902.322

(*) Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2016 cũng đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2015 như sau:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 3.667.956 cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 36.679.560.000 đồng
- Tỷ lệ phát hành từ trả cổ tức 2015 bằng cổ phiếu: 12%. Tương đương 1:0,12; căn cứ vào ngày phân bổ quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần thì được 01 quyền mua, cứ 100 quyền nhận được 12 cổ phiếu mới với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Nguồn vốn thực hiện: từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính năm 2015 đã kiểm toán
- Thời gian phát hành dự kiến: quý III năm 2016
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số cổ phiếu mới phát hành được làm tròn đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ (nếu có) sẽ được Hội đồng quản trị phân phối cho các đối tượng khác theo những điều kiện phù hợp với giá không thấp hơn mệnh giá.
- Ngày đăng ký cuối cùng: ngày 05/07/2016
- Ngày giao dịch không hưởng quyền: ngày 04/07/2016

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Sông Đà	58,50%	178.812.000.000	58,50%	178.812.000.000
Các cổ đông khác	41,50%	126.851.000.000	41,50%	126.851.000.000
	100%	305.663.000.000	100%	305.663.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	305.663.000.000	305.663.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	305.663.000.000	305.663.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	305.663.000.000	305.663.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	36.679.560.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	-	36.679.560.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

d) Cổ phiếu

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.234.000	34.234.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.566.300	30.566.300
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>30.566.300</i>	<i>30.566.300</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.566.300	30.566.300
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>30.566.300</i>	<i>30.566.300</i>
Số lượng cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2015	3.667.700	3.667.700
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	210.425.262.827	199.693.130.735
	<u>210.425.262.827</u>	<u>199.693.130.735</u>

23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**a) Ngoại tệ các loại**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	830,85	836,00
- Đồng Euro (EUR)	23,11	180,74

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Phải thu khách hàng	325.790.238	325.790.238

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>	<u>6 tháng đầu năm 2015</u>
	VND	VND
Doanh thu bán điện	18.445.438.694	19.439.894.749
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.241.092.308	3.170.391.320
Doanh thu hợp đồng xây dựng	157.793.682.844	454.767.149.994
	<u>180.480.213.846</u>	<u>477.377.436.063</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)	<u>55.479.947.611</u>	<u>197.037.110.996</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Giá vốn bán điện	13.727.483.058	13.364.457.607
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	3.765.138.636	2.768.999.361
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	119.776.081.355	382.169.481.787
	137.268.703.049	398.302.938.755

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	229.959.501	1.177.343.628
Lãi bán các khoản đầu tư	-	16.179.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.852.000.000	38.405.100
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	47.858.340	39.489.420
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	57.953.461	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	26.006.556
	13.187.771.302	1.297.423.704

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	23.049.499.360	30.254.070.070
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.376.342	72.114.141
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	410.883.085
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.864.007.633	449.101.351
Chi phí tài chính khác	28.132.444	26.220.839
	24.945.015.779	31.212.389.486

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.503.824.753	1.492.824.951
Chi phí nhân công	12.273.780.240	14.333.938.838
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.095.952.297	1.945.048.647
Thuế, phí, lệ phí	1.034.989.000	1.056.321.005
Chi phí dự phòng	-	2.069.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	900.204.237	1.861.363.365
Chi phí khác bằng tiền	4.521.560.473	4.810.470.000
	22.330.311.000	25.502.035.806

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**29 . THU NHẬP KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	5.002.927.273	7.785.949.988
Thu nhập từ tiền giảm phát thái	2.795.600.416	-
Thu nhập từ công nợ không phải trả	301.533.660	211.584.925
Thu nhập từ tiền bồi thường bảo hiểm công trình	815.762.975	-
Thu nhập khác	26.000.001	73.490.909
	8.941.824.325	8.071.025.822

30 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí công nợ phải trả	16.656	-
Chậm nộp thuế, bảo hiểm	774.534.355	174.840.318
Chi phí khác	270.398.907	-
	1.044.949.918	174.840.318

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.020.829.727	31.553.681.224
Các khoản điều chỉnh tăng	1.044.933.262	670.815.249
Các khoản điều chỉnh giảm	(12.852.000.000)	(38.405.100)
Thu nhập tính thuế TNDN	5.213.762.989	32.186.091.373
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.042.752.598	7.080.940.102

Điều chỉnh tăng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm trước	249.887.992	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	124.721.016	6.999.966.649
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(2.027.275.547)	(9.099.966.649)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(609.913.941)	4.980.940.102

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	89.764.497.705	249.741.419.988
Chi phí nhân công	30.465.618.351	63.148.735.839
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.657.272.894	34.080.606.121
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.093.757.634	69.368.594.204
Chi phí khác bằng tiền	10.983.027.181	31.687.326.114
	194.964.173.765	448.026.682.266

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	30.011.535.723	-	105.805.858.696	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	563.057.414.343	(21.951.949.411)	533.364.287.209	(21.951.949.411)
Các khoản cho vay	2.189.141.728	-	2.189.141.728	-
Đầu tư dài hạn	63.509.530.909	(35.235.781.607)	63.509.530.909	(33.371.773.974)
	658.767.622.703	(57.187.731.018)	704.868.818.542	(55.323.723.385)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	496.392.580.273	585.961.013.610
Phải trả người bán, phải trả khác	89.042.210.111	90.245.675.281
Chi phí phải trả	26.764.566.625	32.558.049.875
	612.199.357.009	708.764.738.766

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2016				
Tiền và các khoản trương đương tiền	30.011.535.723	-	-	30.011.535.723
Phải thu khách hàng, phải thu khác	540.949.884.933	155.579.999	-	541.105.464.932
Các khoản cho vay	2.189.141.728	-	-	2.189.141.728
Đầu tư dài hạn	-	28.273.749.302	-	28.273.749.302
	573.150.562.384	28.429.329.301	-	601.579.891.685
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản trương đương tiền	105.805.858.696	-	-	105.805.858.696
Phải thu khách hàng, phải thu khác	511.167.337.798	245.000.000	-	511.412.337.798
Các khoản cho vay	2.189.141.728	-	-	2.189.141.728
Đầu tư dài hạn	-	30.137.756.935	-	30.137.756.935
	619.162.338.222	30.382.756.935	-	649.545.095.157

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/06/2016				
Vay và nợ	388.414.617.315	107.977.962.958	-	496.392.580.273
Phải trả người bán, phải trả khác	88.755.976.186	286.233.925	-	89.042.210.111
Chi phí phải trả	26.764.566.625	-	-	26.764.566.625
	<u>503.935.160.126</u>	<u>108.264.196.883</u>	<u>-</u>	<u>612.199.357.009</u>
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	463.225.550.652	122.735.462.958	-	585.961.013.610
Phải trả người bán, phải trả khác	89.959.441.356	286.233.925	-	90.245.675.281
Chi phí phải trả	32.558.049.875	-	-	32.558.049.875
	<u>585.743.041.883</u>	<u>123.021.696.883</u>	<u>-</u>	<u>708.764.738.766</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 26/07/2016, Công ty đã có thông báo số 544 CT/TCKT ngày 26/07/2016 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc thay đổi số lượng cổ phiếu lưu hành từ 30.566.300 cổ phiếu lên 34.234.000 cổ phiếu.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

110
CÔNG
NHỆM
KIẾ
AA
XII

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động xây lắp VND	Hoạt động bán điện VND	Hoạt động thương mại dịch vụ VND	Tổng cộng các bộ phần VND	Loại trừ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	157.793.682.844	18.445.438.694	4.241.092.308	180.480.213.846	-	180.480.213.846
Chi phí bộ phận trực tiếp	119.776.081.355	13.727.483.058	3.765.138.636	137.268.703.049	-	137.268.703.049
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	38.017.601.489	4.717.955.636	475.953.672	43.211.510.797	-	43.211.510.797
Tổng chi phí mua TSCE	9.565.806.201	-	-	9.565.806.201	-	9.565.806.201
Tài sản bộ phận	958.074.977.500	227.885.372.461	25.750.615.261	1.211.710.965.222	-	1.211.710.965.222
Tài sản không phân bổ	-	-	-	155.683.740.546	-	155.683.740.546
Tổng tài sản	967.640.783.701	227.885.372.461	25.750.615.261	1.376.960.511.969	-	1.376.960.511.969
Nợ phải trả bộ phận	625.811.200.448	106.094.857.958	16.820.211.181	748.726.269.587	-	748.726.269.587
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	18.966.218.236	-	18.966.218.236
Tổng nợ phải trả	625.811.200.448	106.094.857.958	16.820.211.181	767.692.487.823	-	767.692.487.823

Theo khu vực địa lý

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng,
 Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

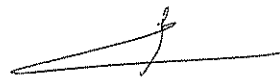
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
 Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 đã được soát xét.

Trong kỳ, Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

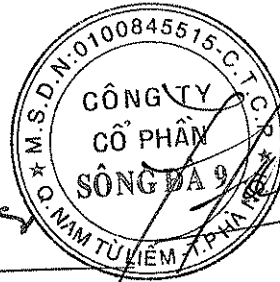
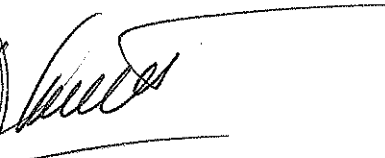
	<u>Mã số</u>	<u>Trình bày lại</u>	<u>Đã trình bày trên báo cáo kỳ trước</u>
Báo cáo kết quả kinh doanh			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	931	1.042



Phùng Thị Minh Nghĩa
 Người lập



Quách Mạnh Hải
 Kế toán trưởng

Trần Thế Quang
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2016

